

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu.

Năm báo cáo: Năm 2012

## I. Lịch sử hoạt động của Công ty

### Những sự kiện quan trọng

- Việc thành lập: Ngày 12 tháng 02 năm 2003 Tổng công ty Sông Đà đã có Quyết định số 37/TCT-TCĐT chuyển đổi Nhà máy Thủy điện Nậm Mu thành Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, đồng thời Tổng công ty cũng bàn giao quyền quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu cho Công ty Cổ phần Sông Đà 9. Ngày 29 tháng 5 năm 2003 Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000005 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.
- Niêm yết: Công ty chính thức niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20/12/2006.
- Quá trình phát triển:
  - Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, được ra đời dựa trên phương án kêu gọi thành lập Công ty cổ phần theo quyết định số 74/ TCT/ HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà (Nay là Tập đoàn Sông Đà), được hưởng ứng bởi 02 cổ đông sáng lập khác là Công ty Sản xuất kinh doanh- Xuất nhập khẩu Bình Minh, Công ty Cổ phần Xi Măng Sông Đà cùng với các cán bộ công nhân viên Tổng công ty tham gia góp vốn thành lập.
  - Nhà máy Thủy điện Nậm Mu nằm trên địa bàn xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, do Tổng công ty Sông Đà làm chủ đầu tư với mục tiêu khai thác nguồn thủy năng của suối Nậm Mu ( Nhánh cấp I, bờ phải Sông Lô), đây là khu vực được đánh giá có rất nhiều tiềm năng cho phát triển thủy điện vì theo thống kê của các chuyên gia khí tượng thủy văn lượng mưa hàng năm tại khu vực này thường lớn nhất Miền Bắc, trung bình 3.500mm/ năm.
  - Sau một thời gian đánh giá và khảo sát kỹ lưỡng, Tổng công ty Sông Đà đã chính thức khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Mu vào ngày 18/02/2004, thời gian thi công dự kiến là 2,5 năm, nhưng với truyền thống bất khuất và sự nỗ lực không mệt mỏi của những người thợ Tổng công ty Sông Đà, chỉ sau hai năm xây

dụng, tổ máy đầu tiên đã hòa điện lưới quốc gia vào ngày 18 tháng 2 năm 2004 và sau đó lần lượt vào ngày 18 và 24 tháng 03 năm 2004 hai tổ máy số 2 và số 3 cũng chính thức vận hành và cung cấp nguồn điện năng vào hệ thống lưới điện của đất nước. Tổng công suất của nhà máy khi hoàn thành đưa vào sử dụng là 12 MW.

- Ngành nghề kinh doanh
  - Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung cấp điện năng cho hệ thống lưới điện quốc gia theo hợp đồng ký kết dài hạn với Tổng công ty Điện lực Việt Nam. Doanh thu chủ yếu của đơn vị là từ hoạt động này đem lại, tuy nhiên, với đội ngũ cán bộ công nhân viên có truyền thống và kinh nghiệm lâu năm, đặc biệt những người đang lãnh đạo Công ty đều là những cán bộ có thâm niên trong lĩnh vực xây lắp, thi công và có tầm nhìn chiến lược tổ chức kinh doanh. Vì vậy, Công ty định hướng trong thời kỳ mới sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh sang những lĩnh vực sau :
    - Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện ;
    - Tư vấn xây lắp các công trình điện ;
    - Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống, công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại ;
    - Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản, khách sạn du lịch ;
    - Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị ( thang, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước ) ;
    - Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác ;
    - Dịch vụ cho thuê sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị, kinh doanh thiết bị xây dựng ;
    - Kinh doanh hàng xuất nhập khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng./.
- Tình hình hoạt động: Trong quá trình phát triển của Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu cùng với những nỗ lực vượt bậc trong Sản xuất, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế. Ngoài 02

nhà máy là Nhà máy thủy điện Nậm Mu và Nhà máy thủy điện Nậm Ngân đã đi vào sản xuất, Công ty cũng đang thực hiện chiến lược đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh bằng việc đầu tư xây dựng thêm nhà máy thủy điện thứ ba là nhà máy thủy điện Nậm An tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và đưa vào hoạt động từ tháng 9/2012.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty :

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012 (Nghìn đồng)	Kế hoạch năm 2012 (Nghìn đồng)	Tỷ lệ HT/KH %	Ghi chú
1	Giá trị SXKD	144.300.180	160.000.000	90%	
2	Doanh thu	131.419.476	145.745.455	90%	
3	Lợi nhuận	24.282.503	22.000.000	110%	
4	Nộp ngân sách	8.951.658	9.941.982	90%	
5	Thu nhập B/q (đồng)	7.174	7.600	94%	

T9/2012 xây dựng hoàn thành Nhà máy thủy điện Nậm An và đưa vào sản xuất. Một số nội dung chính về Dự án thủy điện Nậm An:

+ Công suất lắp máy : 6 MW

+ Số tổ máy : 02 tổ máy

+ Sản lượng điện hàng năm : 25 triệu kw

+ Tổng mức đầu tư : 177 tỷ đồng

+ Tổng tiến độ : Đưa nhà máy vào hoạt động vào T9/2012.

## III. Báo cáo của Ban giám đốc :

### 1. Báo cáo một số chỉ tiêu tài chính năm 2012 :

- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản : 3,59 %
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu : 13,1 %
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần : 18,85%
- + Khả năng thanh toán nhanh : 0,18 lần

2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012 : 676.502.437.271, đồng

### 3. Những thay đổi về vốn cổ đông :

- Vốn điều lệ của Công ty từ khi thành lập và chính thức đi vào hoạt động là 40.000.000.000 (Bốn mươi) tỷ đồng. Đến 31/12/2012, số vốn điều lệ của Công ty: 149.999.890.000, đồng.

- Cơ cấu vốn:

- + Công ty Cổ phần Sông Đà 51% : 76.500.000.000, đồng.
- + Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà 5%: 7.500.000.000, đồng.
- + Các cổ đông cá nhân 44% : 65.999.890.000, đồng.

4. Cổ tức năm 2012 : Dự kiến trả 10%/năm trả bằng tiền mặt, thời gian trả cổ tức trong năm 2013.

### 5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	128.807.045.418	153.768.803.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	128.807.045.418	153.768.803.333
4. Giá vốn hàng bán	11	51.166.688.561	86.046.164.331
5. Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	67.722.639.002	50.137.758.216
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	48.128.884	620.652.450
7. Chi phí tài chính	22	42.956.020.821	39.932.071.397
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	42.909.732.781	39.932.071.397
8. Chi phí bán hàng	24		

9. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25	7.254.324.501	7.952.180.896
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	24.478.140.419	20.459.039.159
11. Thu nhập khác	31	2.612.432.301	35.386.200
12. Chi phí khác	32	733.973.959	189.171.577
13. Lợi nhuận khác	40	1.878.458.342	(153.785.377)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	26.356.598.761	20.305.253.782
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.886.616.868	1.123.275.390
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	187.479.660	186.978.763
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	24.282.502.233	18.994.999.629
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.619	1.266

#### 6. Kế hoạch phát triển năm 2013:

Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đã được HĐQT Công ty thông qua, với các mục tiêu cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh: 160 tỷ đồng.
- Doanh thu: 145,4 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 25 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người: 7,3 triệu đồng.
- Đầu tư: 4 tỷ đồng.

#### IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về kế toán

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Tài sản	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	41.980.296.819	60.132.759.791
I. Tiền và các khoản tong đơng tiền	110	12.622.144.927	11.239.020.449
1. Tiền	111	12.622.144.927	11.239.020.449
2. Các khoản tong đơng tiền	112		

<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>160.020.000</b>	<b>205.740.000</b>
1. Đầu t ngắn hạn	121	676.642.857	676.642.857
2. Dự phòng giảm giá đầu t ngắn hạn (*)2	129	(516.622.857)	(470.902.857)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>27.107.986.817</b>	<b>42.031.483.585</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	13.432.297.390	10.018.421.834
2. Trả trước cho người bán	132	13.019.965.810	31.846.831.524
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	655.723.617	166.230.227
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>136.224.262</b>	<b>1.461.527.448</b>
1. Hàng hoá tồn kho	141	136.224.262	1.461.527.448
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>1.953.920.813</b>	<b>5.194.988.309</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	54.250.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	79.888.269	4.056.748.082
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.819.782.544	1.138.240.227
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>634.522.140.452</b>	<b>594.280.178.365</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>598.842.600.443</b>	<b>561.680.178.365</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	596.640.005.520	-
- Nguyên giá	222	720.242.638.793	533.574.874.162
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(123.602.633.273)	(100.493.778.573)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
- Nguyên giá	228	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	2.202.594.923	128.599.082.776
<b>III. Bất động sản đầu t</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-
<b>IV. Các khoản đầu t tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>3600.000.000</b>	<b>3600.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	30.600.000.000	30.600.000.000

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu t tài chính dài hạn	259	-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>3.079.540.009</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3.079.540.009	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Tài sản dài hạn khác	268		
<b>Tổng cộng Tài sản</b>	<b>270</b>	<b>676.502.437.271</b>	<b>654.412.938.156</b>

<b>Nguồn vốn</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>491.439.760.315</b>	<b>478.045.717.948</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>237.243.283.754</b>	<b>143.012.067.943</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	130.187.380.610	29.957.761.668
2. Phải trả người bán	312	36.092.923.553	50.247.597.906
3. Ngõi mua trả tiền trước	313	3.295.187.322	8.043.394.551
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	11.420.630.236	11.601.345.840
5. Phải trả người lao động	315	8.790.445.008	4.364.575.977
6. Chi phí phải trả	316	13.966.129.105	5.850.744.493
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	32.918.000.514	32.894.411.091
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	320	572.587.406	52.236.417
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>254.196.476.561</b>	<b>335.033.650.005</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		
3. Phải trả dài hạn khác	333		
4. Vay và nợ dài hạn	334	252.842.497.642	333.729.731.712
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	1.353.978.919	1.166.499.259
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		137.419.034
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>185.062.676.956</b>	<b>176.367.220.208</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>185.061.672.758</b>	<b>176.349.009.514</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	149.999.890.000	149.999.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	(204.360.000)	(204.360.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.9333.636.391	3.983.886.409
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	3.689.874.917	2.740.124.936

9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420	26.609.952.784	19.796.789.503
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	32.678.666	32.678.666
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>1.004.198</b>	<b>18.210.694</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		18.210.694
2. Nguồn kinh phí	432		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	1.004.198	347.243.623
<b>Tổng cộng Nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>676.502.437.271</b>	<b>654.412.938.156</b>

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo Kiểm toán

### 1. Kiểm toán độc lập :

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.**
- Ý kiến kiểm toán độc lập đối với công ty mẹ: Theo ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu cho năm tài chính 2012.
  - Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc.
  - Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.
  - Lưu ý người đọc : Như đã trình bày tại Mục IV.3.1 của Bản thuyết minh báo cáo tổng hợp, Nhà máy thủy điện Nậm An đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hiện nay công ty đang lập hồ sơ quyết toán, theo đó nguyên giá và khấu hao được phản ánh trong báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 là nguyên giá tạm tính với số tiền 186.108.866.504 đồng và khấu hao tạm trích lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 là 3.555.194.306 đồng.
- Ý kiến kiểm toán độc lập đối với báo cáo hợp nhất: Theo ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu cho năm tài chính 2012.
  - Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc.
  - Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.
  - Lưu ý người đọc :



Như đã trình bày tại Mục IV.4.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Nhà máy thủy điện Nậm An đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang được công ty ghi nhận tăng nguyên giá theo giá tạm tính. Theo đó, khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính theo giá trị tài sản được duyệt.

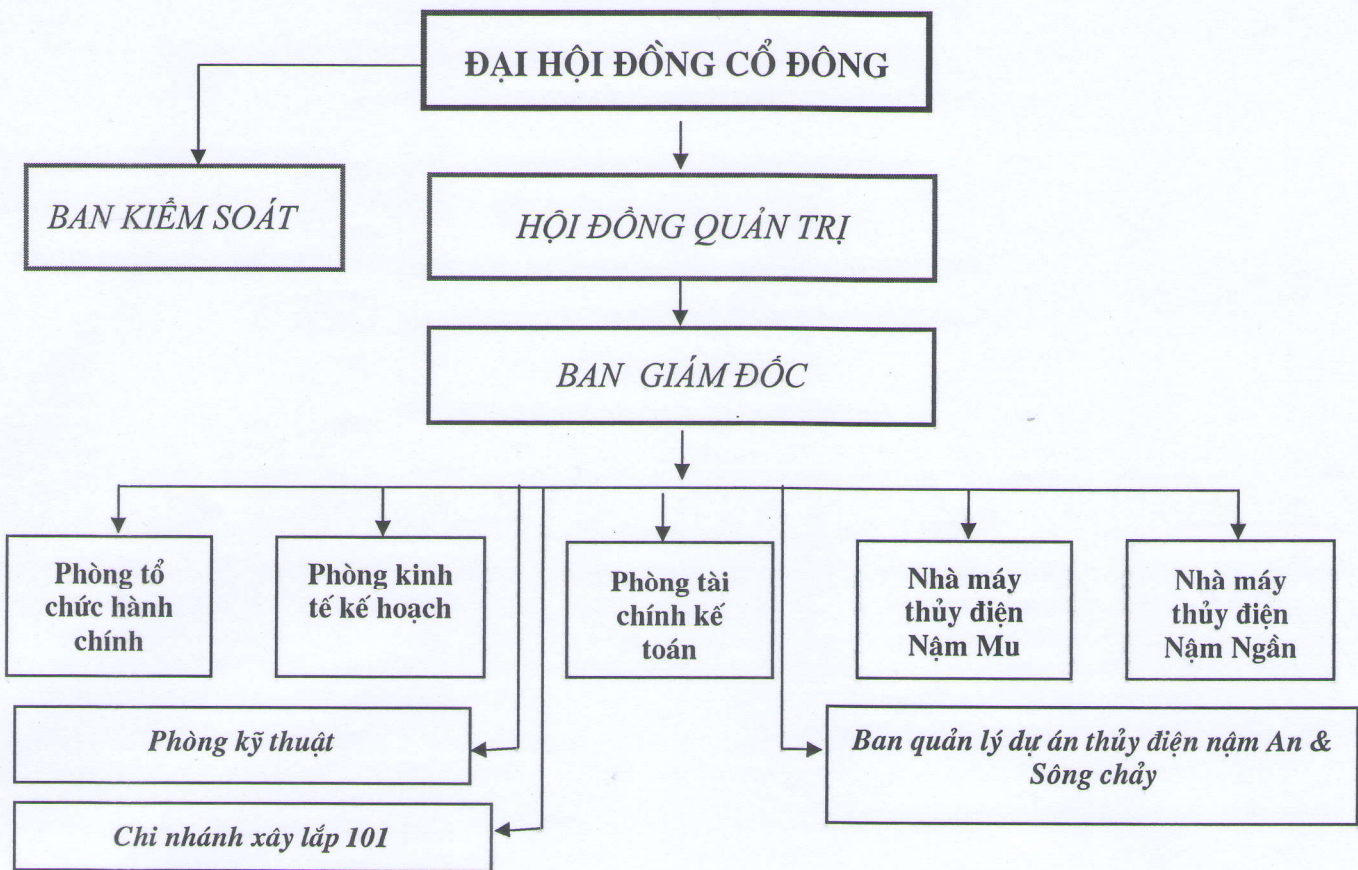
## VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của tổ chức, công ty.

- Công ty cổ phần Sông Đà 9 : 7.650.000 CP chiếm 51% Vốn điều lệ

## VII. Tổ chức và nhân sự

### 1. Cơ cấu tổ chức công ty



2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Số lượng cán bộ công nhân viên toàn công ty tính đến 31/12/2012 là 201 người, trong đó:

STT	Chức danh	Số lượng (người)
1	Trên đại học	
2	Trình độ đại học	30
3	Trình độ cao đẳng	17
4	Công nhân	146
5	Lao động	8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>201</b>

**3. Chính sách đối với người lao động:** Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, lương được tính theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đảm bảo tốt các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động.

**4. Về công tác đào tạo:** Công ty có chiến lược đào tạo khá cụ thể như đào tạo nâng bậc, đào tạo kèm cặp cho người lao động mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng đăng ký tham gia những chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cho đội trưởng và các nhà quản trị cấp dưới, chương trình đào tạo về công tác kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật, về nghiệp vụ tư vấn giám sát.

**5. Về chính sách khen thưởng:** Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

## **6. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành.**

### **6.1 Ông: HÀ NGỌC PHIẾM - Giám đốc công ty**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/02/1959

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã An Bôi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 019 827 276

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Thủy lợi

Quá trình công tác

- Từ 1985 – 1988 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Thủy công- Tổng công ty Sông Đà;
- Từ 1988 – 1990 : Phó phòng thi công Công ty Xây dựng thủy công Sông Đà- Tổng công ty Sông Đà;
- Từ 1991 – 1996 : Trưởng phòng thi công Công ty Xây dựng thủy công Sông Đà- Tổng công ty Sông Đà;
- Từ 1996- 2001 : Phó giám đốc Công ty Sông Đà 15- Tổng công ty Sông Đà;
- Từ 2001 – 2003 : Giám đốc Xí nghiệp 905- Công ty Sông Đà 9- Tổng công ty Sông Đà;
- Từ 2004 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Chức vụ hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Số Cổ phần nắm giữ: 1.625.000 cổ phần ( mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 75.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 1.550.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

## **6.2. Ông: NGUYỄN ĐỨC NANG- Phó giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/07/1958

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây

Địa chỉ thường trú: P. Hữu Nghị, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Số điện thoại liên lạc cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Cơ khí

Quá trình công tác

- Từ 1982 – 1990 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Thi công cơ giới Sông Đà 9- Tổng công ty Sông Đà;

- Từ 1990 – 1992: Quản đốc Phân xưởng Phi tiêu chuẩn Xí nghiệp Cơ khí cơ giới Công ty thi công cơ giới Sông Đà- Tổng công ty Sông Đà;
- Từ 1992 – 1999: Nhân viên phòng Kinh tế kế hoạch Sông Đà 9- Tổng công ty Sông Đà;
- Từ 2000 – 2002 : Trưởng ban Kinh tế thi công chi nhánh 901- Công ty Sông Đà 9, Tổng công ty Sông Đà;
- Từ 2002 - nay : Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Số Cổ phần nắm giữ: 3.750 cổ phần ( mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 3.750 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

### **6.3. Ông: NGUYỄN VIỆT KỶ- Phó giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/04/1978.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Trạch Mỹ Lộc – Phúc Thọ – Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: Xã Trạch Mỹ Lộc – Phúc Thọ – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0219 3 827 276

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư xây dựng.

Quá trình công tác

- Từ 2001 – 2003: Phòng dự án Công ty CP&ĐT công trình I – TCT Đường thủy.
- Từ 2003 – 2009: Trưởng phòng KTKH công ty CP thủy điện Nậm Mu.
- Từ 2010 đến nay: Phó giám đốc công ty CP thủy điện Nậm Mu.

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Số Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần ( mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

**6.4. Ông: BÙI TRỌNG CẢN - Phó giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/01/1979.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Lãng Thành, Yên Thành, Nghệ An.

Địa chỉ thường trú: Xã Lãng Thành, Yên Thành, Nghệ An.

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0219 3 827 276

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư điện.

Quá trình công tác

- Từ 2003 – 2008: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Mu – Cty CP thủy điện Nậm Mu.
- Từ 2008 – 2009: Phó quản đốc Nhà máy thủy điện Nậm Mu – Cty CP thủy điện Nậm Mu.
- Từ 2009 – 2010: Quản đốc Nhà máy thủy điện Nậm Ngân – Cty CP thủy điện Nậm Mu.
- Từ 2010 đến nay: Phó giám đốc công ty CP thủy điện Nậm Mu.

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Số Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

**6.5. Ông: PHÙNG XUÂN HƯNG - Phó giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 13/11/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Yên Bình – Ý Yên – Nam Định.

Địa chỉ thường trú: Yên Bình – Ý Yên – Nam Định.

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0219 3 827 276

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư điện.

Quá trình công tác

- Từ 2003 – 2008: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Mu – Cty CP thủy điện Nậm Mu.
- Từ 2008 – 2009: Phó quản đốc Nhà máy thủy điện Nậm Mu – Cty CP thủy điện Nậm Mu.
- Từ 2009 – 2010: Quản đốc Nhà máy thủy điện Nậm Mu – Cty CP thủy điện Nậm Mu.
- Từ 2010 đến nay: Phó giám đốc công ty CP thủy điện Nậm Mu.

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

Số Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phân vốn nhà nước: không có

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

7. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: Không

8. Quyền lợi của Ban giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc trong năm 2012 là: 736.196.000, đồng.

9. Số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2012 là: 201 người.

10. Những thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: Không.

## VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên, trong đó:

+ Ông Lê Văn Hưng : Chủ tịch HĐQT

+ Ông Hà Ngọc Phiếm : Ủy viên HĐQT

+ Ông Đoàn Hùng Sơn : Ủy viên HĐQT

+ Ông Đỗ Văn Hà : Ủy viên HĐQT

+ Ông Đào Quang Dũng : Ủy viên HĐQT

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, trong đó:

+ Ông Dương Kim Ngọc : Trưởng ban kiểm soát.

+ Ông Vũ Ngọc Toàn : Thành viên Ban kiểm soát.

+ Ông Nguyễn Tiến Hưng : Thành viên Ban kiểm soát.

- Hoạt động của HĐQT: Theo quy chế của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu.

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Lấy ngăn chặn, phòng ngừa làm mục tiêu chính; đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; góp phần làm cho sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh, đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát trong năm 2012 là 282.000.000, đồng, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được hưởng	Ghi chú
1	Lê Văn Hưng	CT HĐQT	54.000.000	
2	Hà Ngọc Phiếm	UV HĐQT	36.000.000	
3	Đoàn Hùng Sơn	UV HĐQT	36.000.000	
4	Đỗ Văn Hà	UV HĐQT	36.000.000	
5	Đào Quang Dũng	UV HĐQT	36.000.000	
6	Dương Kim Ngọc	Trưởng BKS	36.000.000	
7	Vũ Ngọc Toàn	TV BKS	24.000.000	
8	Nguyễn Tiến Hưng	TV BKS	24.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>282.000.000</b>	

- Số thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty là 5/5, của ban kiểm soát là 3/3.

**2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị như sau:**

a. Tỷ lệ sở hữu:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Lê Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	3.000.000
2	Hà Ngọc Phiếm	Ủy viên HĐQT	1.550.000
3	Đoàn Hùng Sơn	Ủy viên HĐQT	
4	Đỗ Văn Hà	Ủy viên HĐQT	2.000.000
5	Đào Quang Dũng	Ủy viên HĐQT	
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1	Dương Kim Ngọc	Trưởng BKS	1.100.000
2	Vũ Ngọc Toàn	Thành viên BKS	
3	Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên BKS	

b. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

- Cổ đông lớn: Không có giao dịch.
- Cổ đông nội bộ và những người có liên quan: Không có giao dịch.

Hà giang, ngày 18 tháng 04 năm 2013

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Nơi nhận:

- SGD chứng khoán Hà Nội;
- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước;
- Lưu VP



**GIÁM ĐỐC**  
*Hà Ngọc Phiếm*